

Bản án số: 705/2025/DS-ST

Ngày: 29-8-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Xê.

2. Ông Phan Phú Hiển.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Trúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Từ Ngọc Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2025/QĐST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Trụ sở: số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là số H L, phường G, thành phố Hà Nội).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Vương T, sinh năm: 1997. Địa chỉ liên hệ: số I C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh – Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 3381/2025/UQN-LCC ngày 25/8/2025). (có đơn xin vắng mặt)

**2. Bị đơn:** Bà Phan Thị X, sinh năm 1974.

Địa chỉ thường trú: số B Hương lộ H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 232/42/16 Hương lộ H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây gọi tắt là V1) do người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Vương T trình bày:

Bà Phan Thị X có vay vốn tại V1 và vi phạm nghĩa vụ trả nợ khiến toàn bộ khoản vay bị chuyển nợ quá hạn và chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ ngày 05/05/2023, cụ thể theo các hợp đồng sau:

1. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ LN2211247559451 ngày 24/11/2022 (sau đây gọi là hợp đồng số LN2211247559451), giải ngân ngày 30/11/2022, cụ thể: số tiền vay: 150.000.000 đồng; thời hạn vay: 36 tháng (từ ngày 30/11/2022 đến ngày 05/11/2025); lãi suất trong hạn tại thời điểm phát vay: 39%/năm, điều chỉnh theo thỏa thuận; mục đích vay: vay tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà X đã thanh toán cho V1 tổng số tiền là 29.308.612 đồng, bao gồm: 9.463.177 đồng tiền gốc và 19.845.435 đồng tiền lãi. Tổng số tiền bà X còn nợ V1 tính đến thời điểm quá hạn là 159.103.266 đồng, trong đó nợ gốc 140.536.823 đồng và nợ lãi 18.566.443 đồng.

Tính đến ngày 29/8/2025, bà X còn nợ V1 số tiền theo hợp đồng nêu trên là 340.353.606 đồng, trong đó: nợ gốc là 140.536.823 đồng, nợ lãi là 199.816.783 đồng.

2. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ LN2211287597998 ngày 24/11/2022 (sau đây gọi là hợp đồng số LN2211287597998), giải ngân ngày 01/12/2022, cụ thể: số tiền vay: 150.000.000 đồng; thời hạn vay: 36 tháng (từ ngày 01/12/2022 đến ngày 05/11/2025); lãi suất trong hạn tại thời điểm phát vay: 39%/năm, điều chỉnh theo thỏa thuận; mục đích vay: vay tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà X đã thanh toán cho V1 tổng số tiền là 29.278.455 đồng, bao gồm: 9.607.776 đồng tiền gốc và 19.670.679 đồng tiền lãi. Tổng số tiền bà X còn nợ V1 tính đến thời điểm quá hạn là 158.942.435 đồng, trong đó nợ gốc 140.392.224 đồng và nợ lãi 18.550.211 đồng.

Tính đến ngày 29/8/2025, bà X còn nợ V1 số tiền theo hợp đồng nêu trên là 340.006.287 đồng, trong đó: nợ gốc là 140.392.224 đồng, nợ lãi là 199.614.063 đồng.

3. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ LN2211307635724 ngày 30/11/2022 (sau đây gọi là hợp đồng số LN2211307635724), giải ngân ngày 05/12/2022, cụ thể: số tiền vay: 150.000.000 đồng; thời hạn vay: 36 tháng (từ ngày 05/12/2022 đến ngày 05/12/2025); lãi suất trong hạn tại thời điểm phát vay: 39%/năm, điều chỉnh theo thỏa thuận; mục đích vay: vay tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà X đã thanh toán cho V1 tổng số tiền là 28.897.021 đồng, bao gồm: 9.781.933 đồng tiền gốc và 19.115.088 đồng tiền lãi.

Tổng số tiền bà X còn nợ V1 tính đến thời điểm quá hạn là 148.297.497 đồng, trong đó nợ gốc 140.268.099 đồng và nợ lãi 8.029.398 đồng.

Tính đến ngày 29/8/2025, bà X còn nợ V1 số tiền theo hợp đồng nêu trên là 340.499.768 đồng, trong đó: nợ gốc là 140.218.066 đồng, nợ lãi là 200.281.702 đồng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/8/2025), bà X còn nợ V1 các khoản sau: nợ gốc là 421.147.114 đồng, nợ lãi là 599.712.548 đồng.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình, V1 đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị X phải trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 29/8/2025 là 1.020.859.662 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 421.147.114 đồng, số tiền nợ lãi là 599.712.548 đồng. Yêu cầu bà X thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục thực hiện việc trả lãi phát sinh từ ngày 30/8/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn – bà Phan Thị X vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; tiến hành xác minh thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng các bên có xác lập giao dịch tín dụng theo đúng quy định pháp luật. Xét việc bà X chỉ thực hiện một phần nghĩa vụ với V1 là chưa thực hiện đúng các thỏa thuận giữa các bên, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của V1. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và bà Phan Thị X là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn – bà Phan Thị X có nơi cư trú tại phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành

phổ Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không thông báo lý do cho Tòa án, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Ngân hàng Thương mại Cổ phần V là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật, được phép cấp tín dụng. Tại thời điểm ký hợp đồng, bà X đã cung cấp các giấy tờ tùy thân, ký tên vào hợp đồng từ đó thể hiện việc ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện và người ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên có hiệu lực.

[4] Căn cứ các hợp đồng số LN2211247559451, LN2211287597998 và LN2211307635724, các tóm tắt sao kê, có cơ sở xác định V1 đã cho bà X vay với tổng số tiền 450.000.000 đồng. Bà X đã thanh toán được tổng số tiền: 87.484.088 đồng trong đó, tiền gốc là 28.852.886 đồng, tiền lãi là 58.631.202 đồng.

Bị đơn bà Phan Thị X vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền đã trả, số tiền còn nợ V1. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày, thừa nhận của nguyên đơn để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Do bà X vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên V1 đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và khởi kiện là có căn cứ theo thỏa thuận giữa hai bên và phù hợp với khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[5] Về yêu cầu trả nợ gốc: Xét bà Phan Thị X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận tại các hợp đồng số LN2211247559451, LN2211287597998 và LN2211307635724. Do đó, V1 yêu cầu bà X có nghĩa vụ trả nợ gốc với số tiền 421.147.114 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về yêu cầu trả tiền lãi: Số tiền lãi V1 yêu cầu bà X trả được tính dựa vào sự thỏa thuận giữa các bên tại các hợp đồng số LN2211247559451, LN2211287597998 và LN2211307635724. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Yêu cầu trả tiền lãi được tính theo đúng quy định tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N và Điều 7 và Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, yêu cầu của V1 về việc buộc bà X có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ

thẩm (ngày 29/8/2025) với tổng số tiền 599.712.548 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét thấy bà Phan Thị X vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của V1. Vì vậy, V1 yêu cầu Tòa án buộc bà X thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét yêu cầu của V1 về việc yêu cầu bà X tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 30/8/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng số LN2211247559451, LN2211287597998 và LN2211307635724. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận của các bên trong các hợp đồng, nên có cơ sở để chấp nhận.

[9] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[10] Về án phí:

- Bà Phan Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 92, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15;

- Căn cứ vào Điều 91, 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Buộc bà Phan Thị X trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền nợ tính đến ngày 29/8/2025 với tổng số tiền là 1.020.859.662 (một tỷ, không trăm hai

mười triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn, sáu trăm sáu mươi hai) đồng, trong đó: nợ gốc là 421.147.114 (bốn trăm hai mươi một triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn, một trăm mười bốn) đồng, nợ lãi là 599.712.548 (năm trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm mười hai nghìn, năm trăm bốn mươi tám) đồng, theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ LN2211247559451 ngày 24/11/2022, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ LN2211287597998 ngày 24/11/2022 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ LN2211307635724 ngày 30/11/2022 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V T1 và bà Phan Thị X.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Phan Thị X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng số LN2211247559451, LN2211287597998 và LN2211307635724 nêu trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

## 2. Về án phí:

- Bà Phan Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.625.790 (bốn mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, bảy trăm chín mươi) đồng.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.886.231 (mười sáu triệu, tám trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm ba mươi một) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0076951 ngày 08/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

## 4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 - TP.Hồ Chí Minh;
- THADS TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Nguyễn Minh Tâm**